TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 1105/2017/KDTM-PT
Ngày: 07/12/2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Ân
Các Thẩm phán: Ông Lê Công Toại
Ông Ngô Thanh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2017/TLPT ngày 13 tháng 9 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2017/KDTM-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân quận Tân Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2411/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ VL;

Địa chỉ: 10 Đường số 5, phường A, quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Bá N và bà Lê Thị Xuân T; Địa chỉ: 10 Đường số 5, phường A, quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án ngày 06/01/2017) (Có mặt).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn TNT SS;

Địa chỉ: 411/3 – 411/5 đường N, Phường N1, quận N2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Bùi Văn M; Địa chỉ: 86/5 đường H, Phường H1, quận H2, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền không số, không ngày tháng) (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, trình bày của đương sự tại cấp phúc thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 23/7/2015, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ VL (sau đây gọi tắt là Công ty VL) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn TNT SS (sau đây gọi tắt là Công ty SS) ký hợp đồng 150023/VL-SS/HĐKT-2015. Theo đó, Công ty VL bán cho Công ty SS một máy ủi phẳng hiệu Girbau, model PB 3221 E, tổng giá trị có giá sau thuế là 308.000.000 đồng, thanh toán thành 02 đợt: đợt 1 thanh toán 92.400.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng 05 ngày, đợt 2 thanh toán 215.600.000 đồng trong vòng 10 ngày sau khi giao máy và lắp đặt nghiệm thu hoạt động tốt, nhận được hóa đơn thuế giá trị gia tăng nhưng không quá 20 ngày kể từ ngày giao máy; thời gian giao máy là 60 – 75 ngày kể từ khi Công ty SS thanh toán đợt 1. Phía Công ty SS đã thanh toán tiền đợt 1 là 92.400.000 đồng ngay sau ký hợp đồng 05 ngày. Do Công ty VL gặp sự kiện khách quan nên không thể giao máy theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng nhưng với thiện chí tôn trọng sư hợp tác giữa hai bên, Công ty VL đã thỏa thuận và được sự đồng ý của Công ty SS nên đã tạm thời giao một sản phẩm khác thay thế vào ngày 02/10/2015. Trong suốt quá trình sử dụng sản phẩm thay thế, phía Công ty SS không có bất cứ phản hồi, thăc mắc gì cho đến ngày 02/11/2015 Công ty VL đã giao đúng sản phẩm mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng. Theo đúng thỏa thuận, số tiền đợt 2 phía Công ty SS phải thanh toán cho Công ty VL là 215.600.000 đồng nhưng chỉ thanh toán số tiền 150.920.000 đồng vào ngày 10/11/2015, còn thiếu 64.680.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Ngày 12/9/2015, hai bên ký tiếp hợp đồng số 150032/VL-SS/HĐKT-2015. Theo nội dung hợp đồng, Công ty VL bán cho Công ty SS một máy giặt vắt tự động nhãn hiệu Girbau, model LS-332PME với giá đã bao gồm thuế là 346.500.000 đồng, phương thức thanh toán thành 03 đợt, phía Công ty Công ty SS đã thanh toán đủ và đúng hạn của đợt 1 và 2. Riêng đợt 3 hai bên thỏa thuận số tiền còn lại là 103.950.000 đồng sẽ được Công ty SS thanh toán trong vòng 03 tháng kể từ ngày giao máy, chia làm 03 phần, mỗi tháng thanh toán 1 phần tương ứng số tiền 34.600.000 đồng. Ngày 16/9/2015 Công ty VL đã giao máy do đó theo thỏa thuận thì Công ty Smart Solutin phải thanh toán hết số tiền còn lại trong 03 lần, cụ thể lần 1 vào ngày 16/10/2015, lần 2 vào ngày 16/11/2015 và lần 03 vào ngày 16/12/2015. Tuy nhiên, Công ty SS mới thanh toán số tiền đợt 3 lần 1 vào ngày 04/11/2015, lần 02 vào ngày 04/12/2015 và lần 3 vào ngày 07/01/2016.

Do Công ty SS đã vi phạm về điều khoản thanh toán nên Công ty VL khởi kiện yêu cầu bị đơn phải chịu phạt vi phạm theo Điều 301 Luật thương mại và lãi chậm trả theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tương ứng với mỗi hợp đồng mà hai bên đã ký.

Đối với hợp đồng số 150032/VL-SS/HĐKT-2015 ngày 12/9/2015, Công ty SS phải thanh toán các khoản phạt vi phạm, lãi chậm trả với tổng số tiền là 8.356.887 đồng, cụ thể:

- Số tiền lần 01 của đợt 3: Số tiền phạt vi phạm: 34.650.000 đồng x 8% = 2.772.000 đồng; Số tiền lãi do chậm thanh toán: tính từ ngày 16/10/2015 đến 04/11/2015 (18 ngày) 34.650.000 đồng x 18 ngày x 0.025%/ngày = 12.474 đồng.

- Số tiền lần 02 của đợt 3: Số tiền phạt vi phạm: 34.650.000 đồng x 8% = 2.772.000 đồng; Số tiền lãi do chậm thanh toán: tính từ ngày 16/11/2015 đến 04/12/2015 (18 ngày) 34.650.000 đồng x 18 ngày x 0.025%/ngày = 12.474 đồng.

- Số tiền lần 03 của đợt 3: Số tiền phạt vi phạm: 34.650.000 đồng x 8% = 2.772.000 đồng; Số tiền lãi do chậm thanh toán: tính từ ngày 16/12/2015 đến 07/01/2016 (23 ngày) 34.650.000 đồng x 23 ngày x 0.025%/ngày = 15.939 đồng.

Đối với hợp đồng số 150023/VL-SS/HĐKT-2015 ngày 23/7/2015, Công ty SS phải thanh toán các khoản phạt vi phạm và lãi suất do chậm thanh toán căn cứ theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm với tổng số tiền là 79.912.140 đồng, cụ thể như sau: Số tiền gốc còn phải thanh toán là 64.680.000 đồng; Phạt vi phạm do chậm thanh toán là 64.680.000 đồng x 8% = 5.174.400 đồng; Số tiền lãi do chậm thanh toán: 64.680.000đ x 622 ngày x 0,0255%/ngày = 10.057.740 đồng.

Tổng số tiền Công ty VL yêu cầu Công ty SS phải trả là 88.269.027 đồng (Tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn không trăm hai mươi bảy đồng), thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn thừa nhận Công ty VL và Công ty SS có ký 02 hợp đồng mua bán hàng hóa cũng như những nội dung hai bên thỏa thuận tại hợp đồng như đại diện nguyên đơn trình bày nhưng Công ty SS chỉ đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do:

Đối với hợp đồng số 150023/VL-SS/HĐKT-2015 ngày 23/7/2015, Công ty SS đã thanh toán số tiền đợt 1 là 92.400.000 đồng vào ngày 29/7/2015. Ngày 02/11/2015 Công ty SS đã thanh toán tiếp số tiền đợt 2 là 150.920.000 đồng, còn thiếu lại số tiền 64.680.000 đồng. Theo như thỏa thuận của hai bên, Công ty VL có trách nhiệm giao máy chậm nhất là vào ngày 12/10/2015 nhưng mãi đến ngày 02/11/2015 Công ty VL mới giao máy. Phía bị đơn xác nhận tuy vào ngày 02/10/2015, phía nguyên đơn có giao máy khác thay thế nhưng sau khi lắp ráp 02 ngày thì không sử dụng được, như vậy nguyên đơn đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng chậm 21 ngày nên Công ty VL phải chịu khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 5 của hợp đồng là 308.000.000 đồng x 8% = 24.640.000 đồng do đó số tiền gốc bị đơn chỉ còn thiếu là 64.680.000 đồng - 24.640.000 đồng = 40.040.000 đồng. Phía Công ty SS chỉ đồng ý thanh toán số tiền là 40.040.000 đồng.

Đối với các khoản tiền phạt vi phạm, lãi suất chậm trả tương ứng số tiền 10.000.000 đồng phía bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn nếu các bên thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nhưng nếu xét xử thì phía bị đơn chỉ đồng ý trả các khoản phạt và lãi mà Hội đồng xét xử chấp nhận căn cứ theo quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng số 150032/VL-SS/HĐKT-2015 ngày 12/9/2015, Công ty SS không đồng ý do đã thanh toán xong 100% giá trị hợp đồng vào ngày 07/01/2016 nên căn cứ Điều 3 của hợp đồng thì hợp đồng này đã tự thanh lý.

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ VL.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn TNT SS thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ VL tổng số tiền 88.561.358 đồng (Tám mươi tám triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi tám đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 24/2017/QĐ – BPKCTT ngày 15 tháng 3 năm 2017 để bảo đảm thi hành án.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2017/QĐ-BPBĐ ngày 14/3/2017. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ VL được nhận lại số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo giấy xác nhận phong tỏa ngày 14/3/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và án phí.

Sau khi án sơ thẩm tuyên, ngày 09 tháng 8 năm 2017 Công ty Trách nhiệm hữu hạn TNT SS có đơn kháng cáo không đồng ý án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định Thẩm phán và hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng tuân thủ quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Công ty VL đối với Hợp đồng số 150032/VL-SS/HĐKT-2015 ngày 12/9/2015, sửa một phần án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của hai bên; ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty SS trong thời hạn luật định hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Công ty Trách nhiệm hữu hạn TNT SS và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ VL ký kết hai hợp đồng mua bán hàng hóa: Hợp đồng thứ nhất số 150023/VL-SS/HĐKT-2015 ngày 23/7/2015 và hợp đồng số 150032/VL-SS/HĐKT-2015 ngày 12/9/2015 là sự tự nguyện của hai bên, các điều khoản phù hợp quy định của pháp luật.

Xét hợp đồng số 150023/VL-SS/HĐKT-2015 ngày 23/7/2015, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo như thỏa thuận của hai bên, phía nguyên đơn bán cho bị đơn một máy ủi phẳng hiệu Girbau, model PB 3221 E với giá 308.000.000 đồng

thanh toán thành 02 đợt: đợt 1 thanh toán 92.400.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng 05 ngày, đợt 2 thanh toán 215.600.000 đồng trong vòng 10 ngày sau khi giao máy và lắp đặt nghiệm thu hoạt động tốt, nhận được hóa đơn thuế giá trị gia tăng nhưng không quá 20 ngày kể từ ngày giao máy; Thời gian giao hàng trong thời hạn 60 – 75 ngày kể từ khi bị đơn thanh toán tiền đợt 1. Ngày 29/7/2015 phía bị đơn đã thanh toán đủ số tiền đợt 1 nên kỳ hạn giao máy cuối cùng là ngày 12/10/2015. Do trở ngại chưa có máy giao nên hai bên đã thỏa thuận Công ty VL giao một máy khác cho Công ty SS sử dụng, khi có máy sẽ giao. Thực hiện thỏa thuận, ngày 02/10/2015 Công ty VL đã giao máy thay thế cho Công ty SS.

Ngày 02/11/2015, Công ty VL đã giao đúng sản phẩm mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng. Theo đúng thỏa thuận, số tiền đợt 2 phía Công ty SS phải thanh toán cho Công ty VL là 215.600.000 đồng nhưng ngày 10/11/2015 chỉ thanh toán số tiền 150.920.000 đồng, còn thiếu 64.680.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán, nay yêu cầu trả số tiền trên, lãi suất từ ngày 22/11/2015 đến ngày 26/7/2017 là: 64.680.000 đồng x 611 ngày x 0,025%/ngày = 9.879.870 đồng và phạt 8% trên số tiền chậm thanh toán với số tiền 5.174.400 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn phần này là có căn cứ.

Phía bị đơn cho rằng nguyên đơn đã vi phạm về thời gian giao hàng nên chỉ đồng ý thanh toán số tiền gốc 40.040.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn phạt vi phạm 24.640.000 đồng do nguyên đơn chậm giao hàng là không phù hợp, bởi vì: Bị đơn đã có thỏa thuận cho nguyên đơn giao sản phẩm thay thế, trong qúa trình đó không có ý kiến gì, đến khi nhận hàng đúng hợp đồng cũng không có ý kiến nhưng chỉ thanh toán 150.920.000 đồng còn thiếu 64.680.000 đồng. Khi Công ty VL yêu cầu trả khoản tiền thiếu thì nại ra việc giao hàng chậm và trừ tiền phạt hợp đồng. Xét việc thỏa thuận giao máy khác thay thế để kéo dài thời gian giao hàng do hai bên hoàn toàn tự nguyện nên đây là việc thỏa thuận thay đổi thời gian giao hàng nên không coi là vi phạm hợp đồng.

Đối với khoản tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 22/11/2015 đến ngày 26/7/2017 nguyên đơn yêu cầu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 9%/năm, 0,025%/ngày thành tiền 9.879.870 đồng là có căn cứ, có lợi cho bị đơn.

Xét hợp đồng số 150032/VL-SS/HĐKT-2015 ngày 12/9/2015 Công ty VL bán cho Công ty SS một máy giặt vắt tự động nhãn hiệu Girbau, model LS-332PME với giá đã bao gồm thuế là 346.500.000 đồng, thanh toán thành 03 đợt, phía Công ty SS đã thanh toán đủ và đúng hạn của đợt 1 và 2. Riêng đợt 3 hai bên thỏa thuận số tiền còn lại là 103.950.000 đồng sẽ được Công ty SS thanh toán trong vòng 03 tháng kể từ ngày giao máy, chia làm 03 phần, mỗi tháng thanh toán 1 phần tương ứng số tiền 34.600.000 đồng. Ngày 16/9/2015, Công ty VL đã giao máy do đó theo thỏa thuận thì Công ty SS phải thanh toán hết số tiền còn lại trong 03 lần, cụ thể lần 1 vào ngày 16/10/2015, lần 2 vào ngày 16/11/2015 và lần 03 vào ngày 16/12/2015. Tuy nhiên, Công ty SS mới thanh

toán số tiền đợt 3 lần 1 vào ngày 04/11/2015, lần 02 vào ngày 04/12/2015 và lần 3 vào ngày 07/01/2016.

Như vậy, Công ty SS đã thanh toán đợt 3 chậm so với quy định, tuy nhiên tất cả số tiền đã thanh toán xong. Căn cứ vào quy định tại Điều 3 của hợp đồng quy định "Hợp đồng tự thanh lý khi thanh toán hết 100% giá trị hợp đồng" , do đó yêu cầu phạt hợp đồng và tính lãi của Công ty VL đối với đồng số 150032/VL-SS/HĐKT-2015 ngày 12/9/2015 là chưa đủ căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Công ty VL đối với hợp đồng số 150032/VL-SS/HĐKT-2015 ngày 12/9/2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty SS, sửa bản án sơ thẩm;

[3] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên Công ty SS không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 300, 301 và 306 Luật Thương mại 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn TNT SS;

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ VL.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn TNT SS thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ VL tổng số tiền 80.204.471 đồng (Tám mươi triệu hai trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm bảy mươi mốt đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 24/2017/QĐ – BPKCTT ngày 15 tháng 3 năm 2017 để bảo đảm thi hành án.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2017/QĐ-BPBĐ ngày 14/3/2017. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ

VL được nhận lại số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo giấy xác nhận phong tỏa ngày 14/3/2017của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí kinh doanh thương mại:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn TNT SS phải chịu án phí sơ thẩm 4.010.224 đồng (Bốn triệu không trăm mươi nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng). Không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0006722 ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình được trừ vào tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, Công ty Trách nhiệm hữu hạn TNT SS còn phải nộp tiếp 2.010.224 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ VL phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 32.810.223 đồng theo biên lai thu số: AA/2016/0012070 ngày 23/01/2017 và biên lai thu số: AA/2016/0012116 ngày 08/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ VL được nhận lại 29.810.223 đồng.

3. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn TNT SS chậm thanh toán thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ VL có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ân